

Số: 34/2021/QĐST-HNGĐ

*Bắc Quang, ngày 31 tháng 3 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 17/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021, giữa:

*Nguyên đơn:* Ông Hoàng Văn T; sinh năm: 1962; dân tộc: Tày.

*Bị đơn:* Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1960; dân tộc: Tày.

Cùng nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2021,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị T1 thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là Hoàng Văn T2, sinh năm 1982, Hoàng Thị H sinh năm 1984 và Hoàng Văn C sinh năm 1986. Hiện nay các cháu đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình riêng nên khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án

giải quyết.

- Về án phí: ông Hoàng Văn T tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000<sup>d</sup> (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 03/3/2021 theo biên lai số 0001343. Trả lại cho ông Hoàng Văn T 150.000<sup>d</sup> (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chênh lệch, bà Hoàng Thị T1 không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- UBND xã G, huyện B, tỉnh Hà Giang (nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- Lưu: HSVA.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Nhung**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:**

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.
- (3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.
- (4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).